

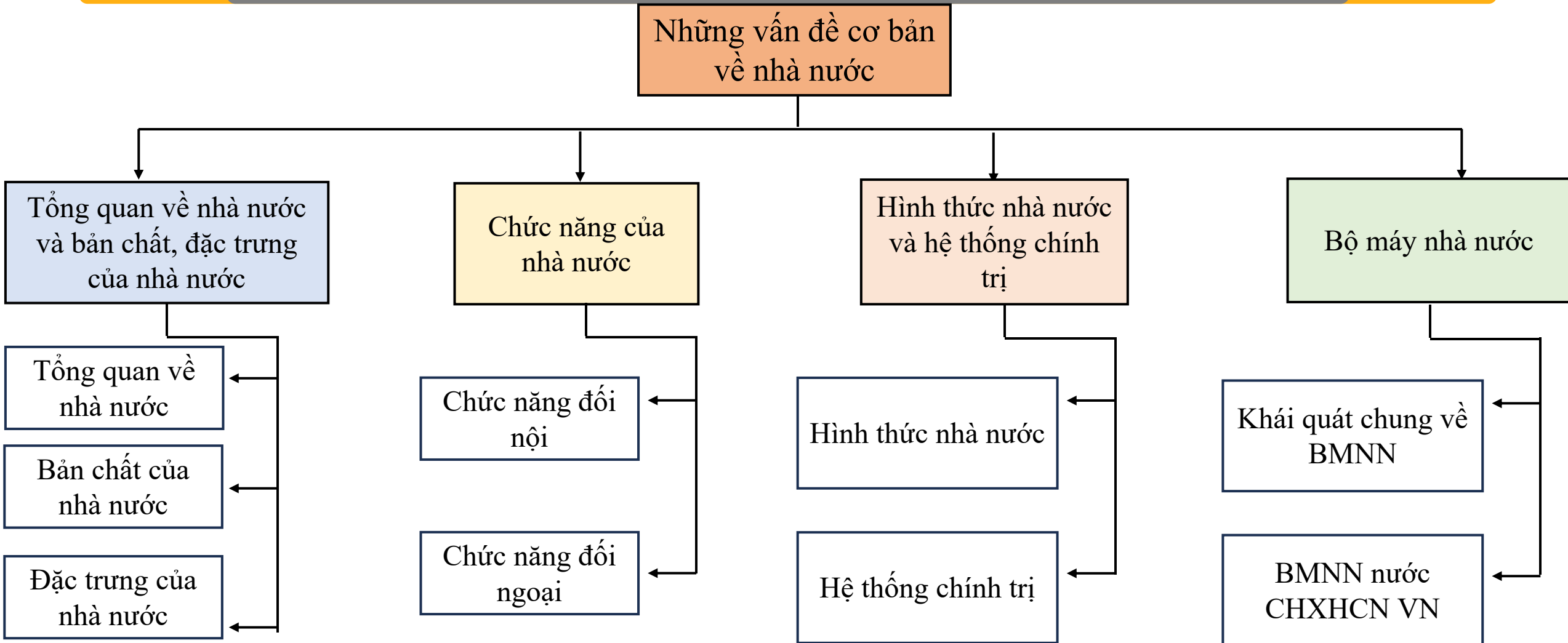
# CHƯƠNG 1

## NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC

Khoa Luật – Trường Đại học Tôn Đức Thắng

GV:

Email:



- 1.1. Tổng quan về nhà nước và bản chất, đặc trưng của nhà nước**
- 1.2. Chức năng của nhà nước**
- 1.3. Hình thức nhà nước và hệ thống chính trị**
- 1.4. Bộ máy nhà nước**

# 1.1. Tổng quan về nhà nước và bản chất, đặc trưng của nhà nước

## 1.1.1. Tổng quan về nhà nước

## 1.1.2. Bản chất nhà nước

## 1.1.3. Các đặc trưng cơ bản của nhà nước

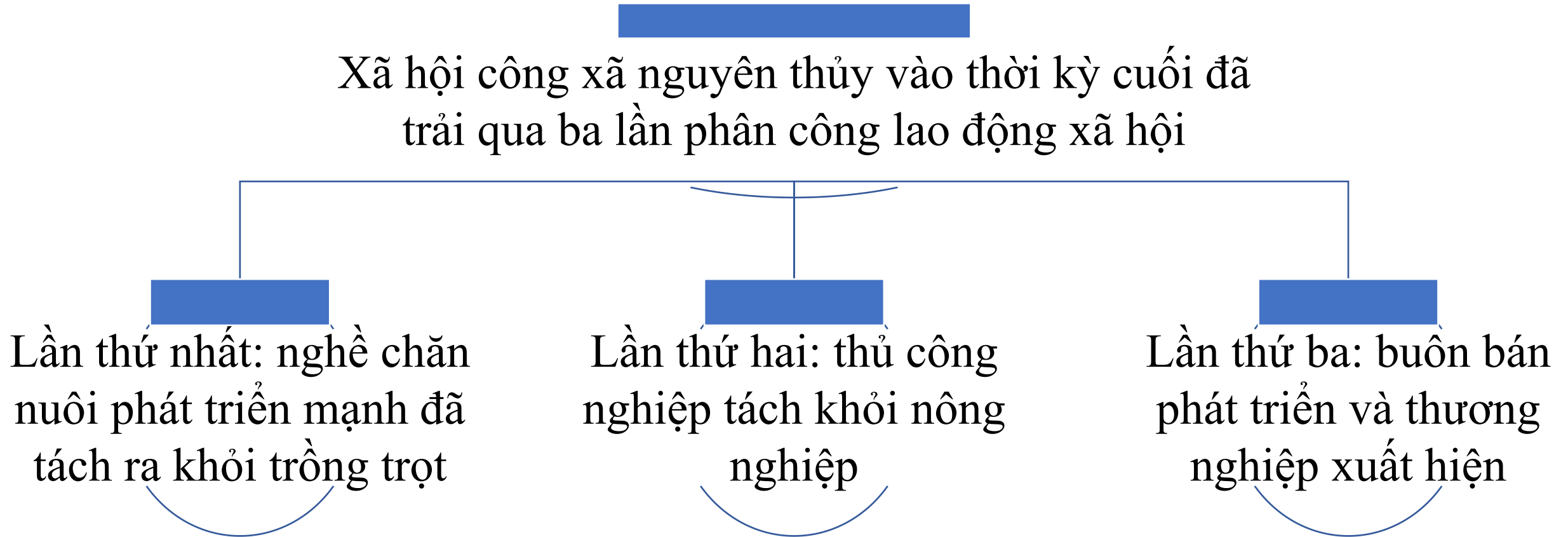
## 1.1.1. Tổng quan về nhà nước

### ❖ Nguồn gốc:

- Các quan điểm khác nhau về nhà nước:
  - + Một số học thuyết phi macxit: Thuyết thần học, thuyết gia trưởng, thuyết khế ước xã hội, thuyết bạo lực, thuyết tâm lý.
  - + Học thuyết Mác – Lê nin về nguồn gốc nhà nước:
    - Chế độ cộng sản nguyên thủy và quyền lực thị tộc.
    - Sự tan rã của chế độ cộng sản nguyên thủy và sự xuất hiện nhà nước.

## 1.1.1. Tổng quan về nhà nước

### ❖ Nguồn gốc:



## 1.1.1. Tổng quan về nhà nước

### ❖ Nguồn gốc:

- 👉 Kết quả của các lần phân công lao động:
  - Sản phẩm làm ra ngày càng nhiều, chế độ tư hữu ra đời
  - Xã hội phân chia giai cấp. Giữa giai cấp thống trị và giai cấp bị trị mâu thuẫn về quyền và lợi ích => Sự mâu thuẫn giai cấp ngày càng quyết liệt.
- 👉 Để quản lý xã hội, đòi hỏi phải có tổ chức (đại diện của giai cấp thống trị) giữ trật tự.

## 1.1.1. Tổng quan về nhà nước

### ❖ *Khái niệm nhà nước:*

**Nhà nước** là một tổ chức chính trị đại diện cho dân cư sinh sống trên một vùng lãnh thổ, nắm giữ quyền lực công cộng để thực hiện chủ quyền, quản lý điều hành xã hội và xác lập trật tự pháp luật nhằm bảo vệ lợi ích của nhà nước và của toàn xã hội.



## 1.1.2. Bản chất của nhà nước

### 1.1.2.1. Khái niệm bản chất của nhà nước

**Bản chất nhà nước** là toàn bộ những mối liên hệ, quan hệ sâu sắc và những quy luật bên trong quyết định những đặc điểm và khuynh hướng phát triển cơ bản của Nhà nước.

## 1.1.2. Bản chất của nhà nước

### 1.1.2.2. Nội dung bản chất của nhà nước

Tính giai cấp của nhà nước

Tính xã hội của nhà nước

## 1.1.2. Bản chất của nhà nước

### 1.1.2.2. Nội dung khái niệm bản chất của nhà nước

#### ❖ Tính giai cấp của nhà nước

- Nhà nước xuất hiện/ra đời từ sự đấu tranh giai cấp và là sản phẩm của xã hội có giai cấp.
- Nhà nước là công cụ của giai cấp thống trị để bảo vệ quyền lực của mình đồng thời thực hiện quản lý xã hội theo ý chí của giai cấp thống trị.

## 1.1.2. Bản chất của nhà nước

### 1.1.2.2. Nội dung khái niệm bản chất của nhà nước

#### ❖ Tính xã hội của nhà nước

- Nhà nước là đại diện chính thức của toàn xã hội:
  - + Nhà nước là một tổ chức của xã hội, được sinh ra từ xã hội để duy trì, quản lý xã hội khi xã hội phát triển đến một giai đoạn nhất định.
  - + Nhà nước hình thành từ trong lòng xã hội và thiết lập một quyền lực chung (quyền lực công) của toàn xã hội để giải quyết các công việc chung, bảo vệ lợi ích chung của toàn xã hội.

## 1.1.2. Bản chất của nhà nước

### 1.1.2.2. Nội dung khái niệm bản chất của nhà nước

#### ❖ Tính xã hội của nhà nước

- Nhà nước đại diện cho toàn xã hội và tồn tại trong lòng xã hội, phản ánh những đặc điểm của xã hội đó; điều chỉnh các quan hệ xã hội trong xã hội đó.
- Tính xã hội là yếu tố bên trong quyết định những đặc điểm và xu hướng phát triển cơ bản của nhà nước.

## 1.1.3. Các đặc trưng của nhà nước

### ❖ Khái niệm

Là những đặc điểm, dấu hiệu riêng giúp nhận diện rõ hơn về nhà nước và phân biệt nhà nước với tổ chức xã hội khi chưa có nhà nước và cũng là dấu hiệu để phân biệt giữa nhà nước và các tổ chức xã hội khác.

## 1.1.3. Đặc trưng của nhà nước

### ❖ Các đặc trưng của nhà nước

- (1) Nhà nước thiết lập quyền lực công cộng đặc biệt tách rời khỏi xã hội và áp đặt với toàn bộ xã hội.
  - Quyền lực nhà nước là khả năng sử dụng sức mạnh vũ lực thể hiện bằng lực lượng quân đội, cảnh sát hay lực lượng vũ trang của nhà nước.
  - Quyền lực này dựa trên sự cưỡng bức bằng vũ lực.
- (2) Nhà nước phân chia dân cư theo các đơn vị hành chính lãnh thổ.

## 1.1.3. Đặc trưng của nhà nước

### ❖ Các đặc trưng của nhà nước

- (3) Nhà nước có chủ quyền quốc gia.
  - Chủ quyền đối nội là việc thực hiện quyền lực nhà nước đối với những công việc bên trong của nhà nước đó đối với tư cách là chủ thể thực hiện sự quản lý các công việc của một quốc gia.
  - Chủ quyền đối ngoại là việc thực hiện quyền lực của nhà nước với những công việc bên ngoài của quốc gia đó.



## 1.1.3. Đặc trưng của nhà nước

### ❖ Các đặc trưng của nhà nước

- (4) Nhà nước ban hành pháp luật và thực hiện sự quản lý bắt buộc với mọi thành viên xã hội.
  - Ban hành pháp luật là việc nhà nước đặt ra các quy tắc xử sự chung cho xã hội và nhà nước, đồng thời cũng chính nhà nước có trách nhiệm đảm bảo thực hiện các quy định của pháp luật.
  - Pháp luật là chuẩn mực cho hành vi của toàn bộ xã hội cho nên chỉ có nhà nước mới được quyền ban hành và quản lý xã hội bằng pháp luật.

## 1.1.3. Đặc trưng của nhà nước

### ❖ Các đặc trưng của nhà nước

- (5) Nhà nước quy định và tiến hành thu các loại thuế dưới hình thức bắt buộc
  - Thuế là một khoản thu bắt buộc phải nộp vào ngân sách nhà nước.
  - Chỉ có nhà nước mới có quyền thu thuế.

## 1.2. Chức năng của nhà nước

### 1.2.1. Khái niệm

### 1.2.2. Chức năng đối nội

### 1.2.3. Chức năng đối ngoại

## 1.2.1. Khái niệm

- Chức năng của nhà nước là các phương diện hoạt động cơ bản của nhà nước nhằm thực hiện những nhiệm vụ đặt ra cho nhà nước.
- Chức năng nhà nước thể hiện bản chất và vai trò của nhà nước.
- Chức năng nhà nước được quy định bởi cơ sở kinh tế, cơ cấu giai cấp và bản chất của nhà nước đó. Bao gồm: chức năng đối nội và chức năng đối ngoại.

## 1.2.2. Chức năng đối nội

- **Khái niệm:** Chức năng đối nội là những mặt hoạt động chủ yếu của nhà nước trong nội bộ một nước.
- Chức năng đối nội bao gồm:
  - ✓ Tổ chức và quản lý kinh tế.
  - ✓ Quản lý xã hội.
  - ✓ Bảo đảm sự ổn định an ninh – chính trị, bảo vệ các quyền tự do, dân chủ của nhân dân, bảo vệ trật tự an toàn xã hội.

## 1.2.3. Chức năng đối ngoại

- **Khái niệm:** Chức năng đối ngoại là hoạt động thể hiện vai trò của nhà nước trong quan hệ với các nước và các dân tộc khác.
- Một số chức năng đối ngoại của nhà nước như:
  - ✓ Phòng thủ, bảo vệ tổ quốc, chống sự xâm lược từ bên ngoài.
  - ✓ Mở rộng quan hệ hợp tác với các nước, các tổ chức quốc tế và khu vực trên thế giới.

## 1.3. Hình thức nhà nước và hệ thống chính trị

**1.3.1. Khái quát chung về hình thức nhà nước và hệ thống chính trị**

**1.3.2. Hình thức nhà nước và hệ thống chính trị nước CHXHCN Việt Nam**

## 1.3.1. Khái quát chung về hình thức nhà nước và hệ thống chính trị

- ❖ ***Khái niệm:*** Hình thức nhà nước là cách thức tổ chức và phương pháp thực hiện quyền lực nhà nước. Hình thức nhà nước được xem xét dưới ba khía cạnh: **hình thức chính thể, hình thức cấu trúc và chế độ chính trị.**



## 1.3.1. Khái quát chung về hình thức nhà nước và hệ thống chính trị

### ❖ Hình thức chính thể của nhà nước:

- ***Khái niệm:*** Hình thức chính thể của nhà nước là sự biểu hiện bề ngoài thành mô hình, hình dáng của nhà nước thông qua cách thức thành lập, cơ cấu bên trong của việc tổ chức, vị trí, quyền hạn, trách nhiệm, mối quan hệ của các cơ quan nhà nước cấu tạo nên nhà nước và bản chất nguồn gốc của quyền lực nhà nước.
- Bao gồm: chính thể quân chủ; chính thể cộng hòa.

## 1.3.1. Khái quát chung về hình thức nhà nước và hệ thống chính trị

### ❖ Hình thức chính thể của nhà nước:

- Chính thể quân chủ
- Chính thể cộng hòa.

## 1.3.1. Khái quát chung về hình thức nhà nước và hệ thống chính trị

### ❖ Hình thức chính thể của nhà nước:

- Chính thể quân chủ: Quyền lực tối cao của nhà nước tập trung toàn bộ hay một phần vào người đứng đầu nhà nước theo nguyên tắc thừa kế (vua, hoàng đế...).

Chính thể quân chủ tuyệt đối  
(Quân chủ chuyên chế)

- Người đứng đầu nhà nước có quyền lực vô hạn

Chính thể quân chủ hạn chế  
(Quân chủ lập hiến)

- Quyền lực nhà nước được phân chia cho các cơ quan nhà nước khác

## 1.3.1. Khái quát chung về hình thức nhà nước và hệ thống chính trị

### ❖ Hình thức chính thể của nhà nước:

- Chính thể cộng hòa: Quyền lực tối cao của nhà nước được thực hiện bởi những cơ quan đại diện được bầu ra trong một thời hạn nhất định.

Chính thể cộng hòa dân chủ

- Quyền tham gia thành lập các cơ quan đại diện quyền lực nhà nước được trao cho tất cả các tầng lớp nhân dân lao động

Chính thể cộng hòa quý tộc

- Quyền bầu cử chỉ dành cho các tầng lớp quý tộc

## 1.3.1. Khái quát chung về hình thức nhà nước và hệ thống chính trị

### ❖ Hình thức cấu trúc của nhà nước:

- **Khái niệm:** Là sự cấu tạo nhà nước thành các đơn vị hành chính lãnh thổ và xác lập những mối quan hệ qua lại giữa chúng với nhau, giữa trung ương với địa phương.
- Bao gồm: nhà nước đơn nhất; nhà nước liên bang.

## 1.3.1. Khái quát chung về hình thức nhà nước và hệ thống chính trị

### ❖ Hình thức cấu trúc của nhà nước:

**Nhà nước  
đơn nhất**

- Nhà nước được chia ra các đơn vị hành chính lãnh thổ, có cơ quan quyền lực, quản lý, xét xử tối cao và một hệ thống pháp luật chung cho cả nước.

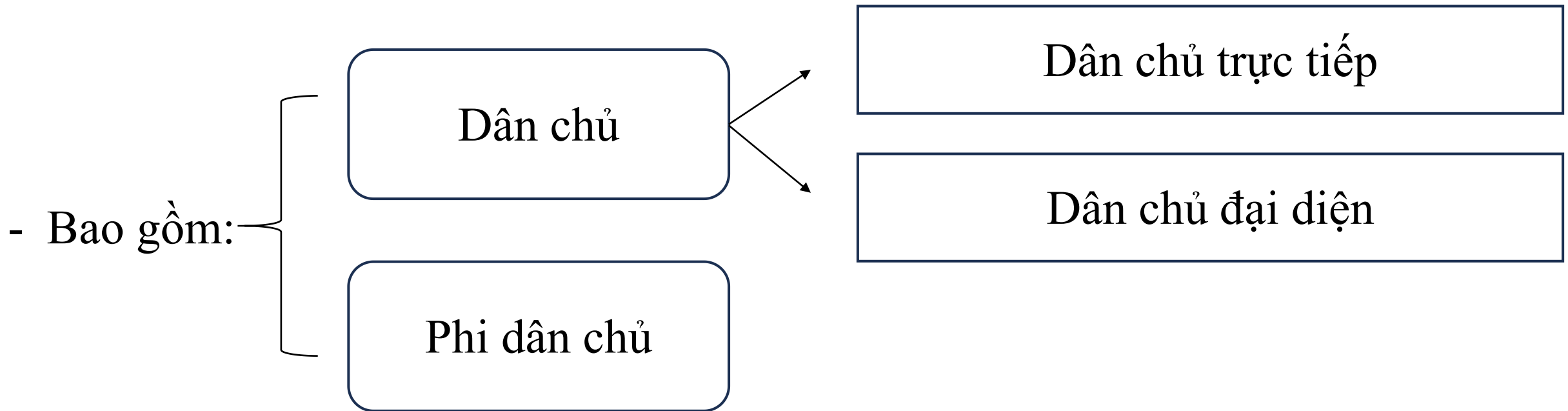
**Nhà nước  
liên bang**

- Nhà nước liên hợp nhiều nhà nước, có hai hệ thống cơ quan quyền lực và quản lý chung cho toàn liên bang và riêng cho từng bang thành viên, có hai hệ thống pháp luật của liên bang và của riêng từng bang.

## 1.3.1. Khái quát chung về hình thức nhà nước và hệ thống chính trị

### ❖ Chế độ chính trị

- Chế độ chính trị là tổng thể những phương pháp và biện pháp mà các cơ quan nhà nước sử dụng để thực hiện quyền lực nhà nước.



## 1.3.1. Khái quát chung về hình thức nhà nước và hệ thống chính trị

- **Hệ thống chính trị** là tập hợp các thiết chế chính trị, chính trị - xã hội, có mối liên hệ chặt chẽ với nhau tạo thành một chỉnh thể thống nhất cùng tham gia vào việc thực hiện quyền lực chính trị
- Cơ cấu của hệ thống chính trị:
  - + Nhà nước.
  - + Các tổ chức liên kết.



## 1.3.1. Khái quát chung về hình thức nhà nước và hệ thống chính trị

### 1.3.2.1. Tổng quan về hệ thống chính trị

- Phân loại hệ thống chính trị:

+ Dựa vào ý thức hệ thống chính trị: hệ thống chính trị XHCN, hệ thống chính trị tư bản chủ nghĩa.

+ Dựa vào chế độ đảng phái: hệ thống chính trị một đảng, hệ thống chính trị đa đảng.

+ Dựa vào tính chất của chế độ chính trị: hệ thống chính trị nhất nguyên và hệ thống chính trị đa nguyên.

## 1.3.1. Khái quát chung về hình thức nhà nước và hệ thống chính trị

### 1.3.2.1. Tổng quan về hệ thống chính trị

- Phân loại hệ thống chính trị:

+ Dựa trên tính chất và mức độ dân chủ của chế độ chính trị: hệ thống chính trị dân chủ, hệ thống chính trị bán dân chủ, hệ thống chính trị toàn trị, hệ thống chính trị độc tài, hệ thống chính trị chuyên chế.

## 1.3.2. Hình thức nhà nước và hệ thống chính trị nước CHXHCN Việt Nam

### ❖ Hình thức nhà nước Nước CHXHCN Việt Nam

- Hình thức chính thể: Việt Nam thuộc hình thức chính thể cộng hòa XHCN.
  - Nguyên tắc tổ chức và vận hành quyền lực nhà nước phổ biến là nguyên tắc tập quyền, không phân quyền giữa các nhánh quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.
  - Quyền lực tập trung vào cơ quan đại diện và đây cũng chính là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất.
- Hình thức cấu trúc: Việt Nam thuộc loại nhà nước đơn nhất.

## 1.3.2. Hình thức nhà nước và hệ thống chính trị nước CHXHCN Việt Nam

### ❖ Hình thức nhà nước Nước CHXHCN Việt Nam

#### - Chế độ chính trị:

Việt Nam theo chế độ chính trị dân chủ, bao gồm dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp.

## 1.3.2. Hình thức nhà nước và hệ thống chính trị nước CHXHCN Việt Nam

### ❖ Đặc trưng của hệ thống chính trị nước CHXHCN Việt Nam

Hệ thống thống chính trị ở nước ta vận hành theo cơ chế: Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ

Tính nhất nguyên chính trị

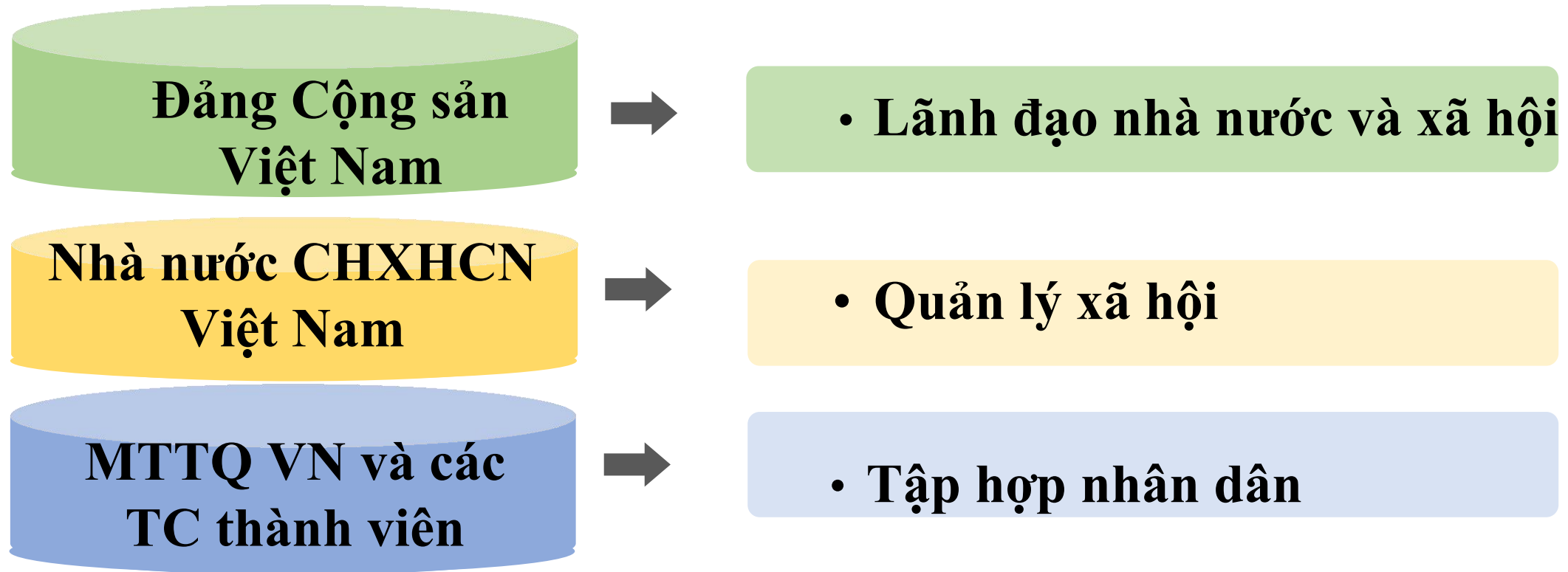
Tính thống nhất

Gắn bó mật thiết với nhân dân, chịu sự kiểm tra, giám sát của nhân dân

Sự kết hợp giữa tính giai cấp và tính dân tộc của hệ thống chính trị

## 1.3.2. Hình thức nhà nước và hệ thống chính trị nước CHXHCN Việt Nam

❖ Hệ thống chính trị của nước CHXHCN Việt Nam bao gồm:



## 1.3.2. Hình thức nhà nước và hệ thống chính trị nước CHXHCN Việt Nam

### ❖ Đảng cộng sản Việt Nam

- Đảng Cộng Sản VN là hạt nhân chính trị lãnh đạo hệ thống chính trị.
- Đảng Cộng Sản VN tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ.
- Vai trò của Đảng: 3 vai trò:
  - Là đội tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của toàn dân tộc Việt Nam.
  - Là đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc.
  - Là lực lượng lãnh đạo nhà nước và XH.

## 1.3.2. Hình thức nhà nước và hệ thống chính trị nước CHXHCN Việt Nam

### ❖ Nhà nước CHXHCN Việt Nam

- Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân.



## 1.3.2. Hình thức nhà nước và hệ thống chính trị nước CHXHCN Việt Nam

### ❖ Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội:

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và cá nhân tiêu biểu của các giai cấp và tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài.
  - Thành lập trên nguyên tắc tự nguyện, hoạt động trên nguyên tắc tự quản.
  - Hoạt động theo phương thức hiệp thương dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động giữa các thành viên.

## 1.3.2. Hình thức nhà nước và hệ thống chính trị nước CHXHCN Việt Nam

### ❖ Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội:

- Các tổ chức chính trị xã hội:
  - Công đoàn,
  - Đoàn Thanh niên,
  - Hội Liên hiệp phụ nữ,
  - Hội Cựu chiến binh,
  - Hội Nông dân Việt Nam.

## 1.4. Bộ máy Nhà nước

### 1.4.1. Khái quát chung về bộ máy nhà nước

### 1.4.2. Bộ máy nhà nước nước CHXHCN Việt Nam

## 1.4.1. Khái quát chung về BMNN

- ❖ **Bộ máy nhà nước** là hệ thống các cơ quan nhà nước từ trung ương xuống địa phương được tổ chức theo những nguyên tắc chung thống nhất, tạo thành cơ chế đồng bộ để thực hiện các nhiệm vụ và chức năng của nhà nước.

**Bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam** là hệ thống các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương, được tổ chức và hoạt động theo những nguyên tắc nhất định; bảo đảm cho nhà nước ta thực hiện mọi chức năng, nhiệm vụ của mình và thực sự và là công cụ quyền lực của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

## 1.4.2. Bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam

### \* Nguyên tắc tổ chức bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam

**Nguyên tắc quyền lực  
nhà nước thuộc về  
nhân dân**

**Nguyên tắc  
Đảng lãnh đạo**

**Nguyên tắc Bình đẳng  
và đoàn kết dân tộc**

**Nguyên tắc Tập trung  
dân chủ**

**Nguyên tắc Phân công  
phối hợp quyền lực**

### ❖ Nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân

- CSPL: Điều 2, Hiến pháp 2013.
- Nhân dân thực hiện quyền lực của mình thông qua cơ quan đại diện của mình, đó là Quốc hội.
- Những vấn đề quan trọng nhất do Quốc hội quyết định.
- Quốc hội - cơ quan đại diện của nhân dân có quyền giám sát hoạt động của các cơ quan trọng bộ máy nhà nước.

### ❖ Nguyên tắc Đảng lãnh đạo

- CSPL: Điều 4, Hiến pháp 2013.
- Đảng lãnh đạo các cơ quan nhà nước bằng hai phương thức chính:
  - Thông qua việc vạch ra chủ trương, đường lối, phương hướng cho hoạt động của nhà nước và
  - Lựa chọn, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ.
- Các tổ chức của Đảng và đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.



### ❖ Nguyên tắc Bình đẳng và đoàn kết dân tộc

- CSPL: Điều 5, Hiến pháp 2013.
- Các dân tộc đều có quyền có đại biểu của mình trong các cơ quan đại diện ở trung ương và địa phương.
- Trong kết cấu BMNN có các cơ quan chuyên trách về vấn đề dân tộc.
- Tất cả các chính sách nhà nước ta luôn bảo đảm sự bình đẳng giữa các dân tộc về quyền và nghĩa vụ, nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ dân tộc.

### ❖ Nguyên tắc Bình đẳng và đoàn kết dân tộc

- Ngôn ngữ quốc gia là Tiếng Việt. Tuy nhiên, tất cả các dân tộc khác đều có quyền sử dụng tiếng nói và chữ viết của riêng mình.
- Luôn giữ gìn truyền thống, bản sắc của các dân tộc, bảo đảm sự đa dạng về văn hóa.

### ❖ Nguyên tắc Tập trung dân chủ

- CSPL: Điều 8, Hiến pháp 2013.
- Nguyên tắc phản ánh tính tập trung của quyền lực nhà nước: của cấp dưới đối với cấp trên, của địa phương đối với trung ương.
- Sự tập trung này là sự tập trung mang tính dân chủ, những vấn đề quan trọng của các cơ quan nhà nước phải được đưa ra thảo luận tập thể và biểu quyết theo đa số.

### ❖ Nguyên tắc Phân công phối hợp quyền lực

- CSPL: Điều 2, Hiến pháp 2013.
- Quyền lực nhà nước là thống nhất.
- Có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

### \* Các cơ quan trong bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam

**Phân cấp theo cấp quản lý**

Trung ương

Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Huyện, Quận, Thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh và đơn vị hành chính tương đương

Xã, Phường, Thị trấn

## 1.4.2. Bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam

### Phân cấp theo chức năng

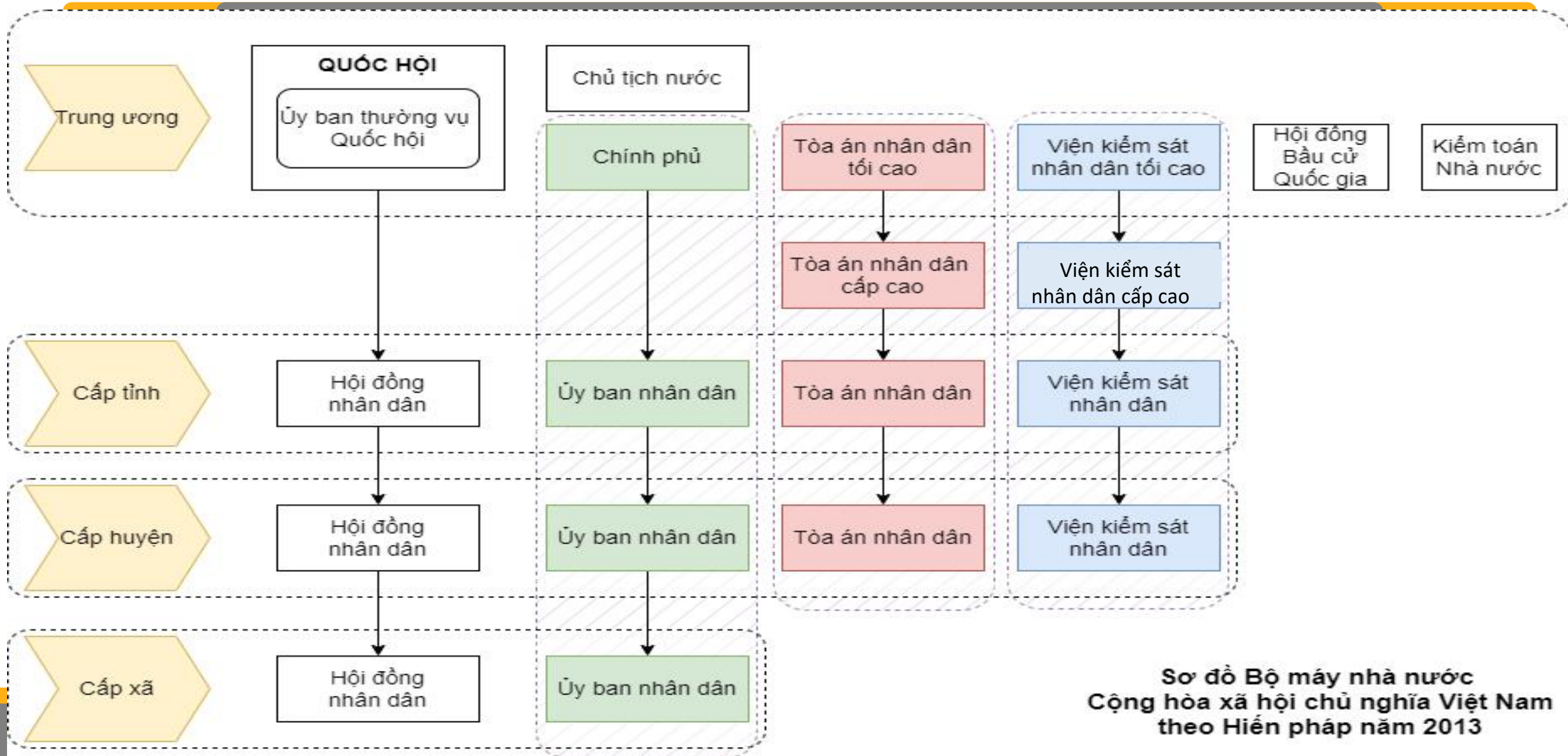
Cơ quan quyền lực nhà nước: Quốc hội, HĐND các cấp

Cơ quan hành chính nhà nước: CP, cơ quan thuộc CP, UBND, cơ quan trực thuộc UBND

Cơ quan thực hiện chức năng xét xử (Tòa án), kiểm sát (VKS)

Chủ tịch nước; Các chế định độc lập bên cạnh Quốc hội (Kiểm toán NN, HĐ bầu cử QG)

## 1.4.2. Bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam



## 1.4.2. Bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam

❖ **Nhóm các cơ quan quyền lực NN:** Bao gồm: **Quốc hội và HĐND** các cấp

### (1) Quốc hội

#### - *Cách thức hình thành:*

- Do cử tri cả nước bầu ra theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.
- Nhiệm kỳ: 5 năm
- Quốc hội họp mỗi năm 02 kỳ. Ngoài ra có thể họp bất thường.

#### - *Địa vị pháp lý:*

- Cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân
- Cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất



### (1) Quốc hội

#### - *Chức năng:*

- Lập hiến, lập pháp: Ban hành Hiến pháp, Luật/Bộ luật, Nghị quyết
- Giám sát tối cao đối với nhà nước
- Quyết định các vấn đề quan trọng

#### - *Thẩm quyền*

- Bỏ phiếu tín nhiệm; Quyết định trưng cầu ý dân
- Quyết định vấn đề chiến tranh và hòa bình; Quyết định **đại xá**...

### **(2) Hội đồng nhân dân: Điều 113 Hiến pháp 2013.**

-Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, đại diện cho ý chí, nguyện vọng và quyền làm chủ của Nhân dân, do Nhân dân địa phương bầu ra, chịu trách nhiệm trước nhân dân địa phương và cơ quan nhà nước cấp trên.

-Hội đồng nhân dân quyết định các vấn đề của địa phương do luật định; giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

❖ **Hệ thống cơ quan hành chính NN** gồm (1) Chính phủ và (2) Ủy ban nhân dân.

- *Vị trí:*

- Chính phủ:
  - ✓ Là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất - thực hiện quyền hành pháp
  - ✓ Là cơ quan chấp hành của Quốc hội
- UBND các cấp: là cơ quan chấp hành cấp địa phương.

- ❖ **Hệ thống cơ quan hành chính NN** gồm (1) Chính phủ và (2) Ủy ban nhân dân.
- ***Cách thức hình thành:***
  - Chính phủ: Chủ tịch nước giới thiệu Quốc hội bầu Thủ tướng Chính phủ.
  - UBND: Được các cơ quan quyền lực nhà nước cùng cấp bầu ra.

## 1.4.2. Bộ máy nhà nước nước CHXHCN Việt Nam

- ❖ **Hệ thống cơ quan hành chính NN** gồm (1) Chính phủ và (2) Ủy ban nhân dân.
- ***Cơ cấu:***
  - Chính phủ:
    - ✓ 18 Bộ và 04 cơ quan ngang Bộ.
    - ✓ Thành viên Chính phủ: Thủ tướng Chính phủ, các Phó Thủ tướng, các Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ.
  - Ủy ban nhân dân các cấp nằm trong một cơ cấu tổ chức theo ngành dọc gồm cấp tỉnh, huyện, xã.

- ❖ **Hệ thống cơ quan hành chính NN** gồm (1) Chính phủ và (2) Ủy ban nhân dân.
- **Chức năng:**
  - Chấp hành các quyết định của các cơ quan quyền lực nhà nước cùng cấp.
  - Khi tổ chức thực hiện quyết định của cơ quan quyền lực, Chính phủ và Ủy ban nhân dân các cấp cũng trực tiếp điều hành công việc của nhà nước tác động lên xã hội.
- **Thẩm quyền:** quản lý hành chính nhà nước.

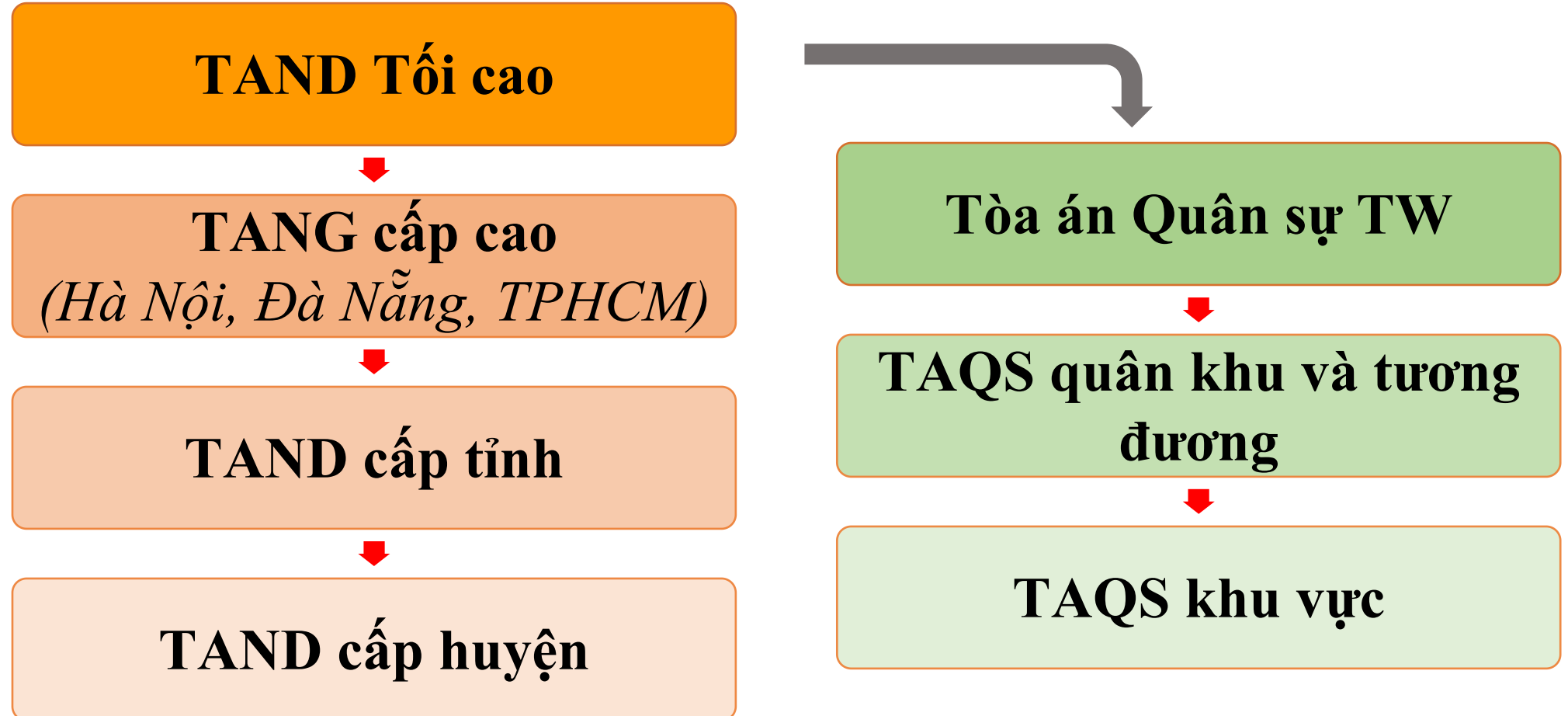
### ❖ Hệ thống cơ quan thực hiện chức năng xét xử: Tòa án nhân dân các cấp

#### - *Cách thức hình thành:*

- Đối với TAND tối cao:
  - ✓ Chánh án TAND tối cao do Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch nước.
  - ✓ Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định theo đề nghị của Chánh án TAND Tối cao.
- Đối với TAND các cấp: Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định thành lập, giải thể TAND cấp huyện, cấp tỉnh và cấp cao.

### ❖ Hệ thống cơ quan tòa án nhân dân.

#### - Cơ cấu:





### ❖ Hệ thống cơ quan Tòa án nhân dân.

#### - Chức năng:

- Thực hành quyền tư pháp xét xử các tranh chấp, áp dụng pháp luật để xử lý các vi phạm.
- Bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, chế độ xã hội chủ nghĩa.
- Bảo vệ lợi ích của nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

❖ **Hệ thống cơ quan thực hiện chức năng kiểm sát: Viện kiểm sát nhân dân các cấp.**

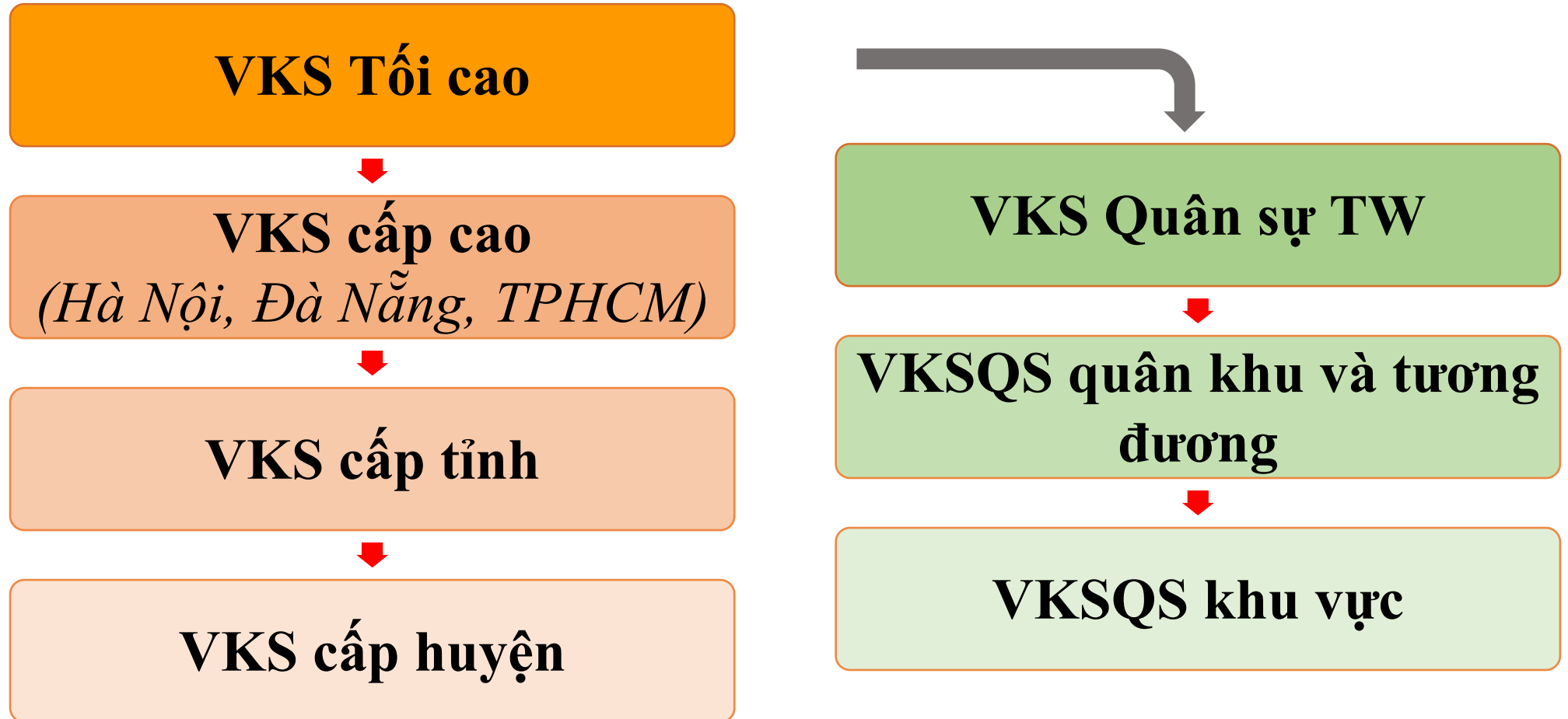
- *Cách thức hình thành:*

- Đối với VKSND tối cao: Viện trưởng VKSND tối cao do Quốc hội bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch nước.
- Đối với VKSND các cấp: Việc thành lập, giải thể do Ủy ban thường vụ Quốc hội.

## 1.4.2. Bộ máy nhà nước nước CHXHCN Việt Nam

### ❖ Hệ thống Viện kiểm sát nhân dân.

- Cơ cấu:

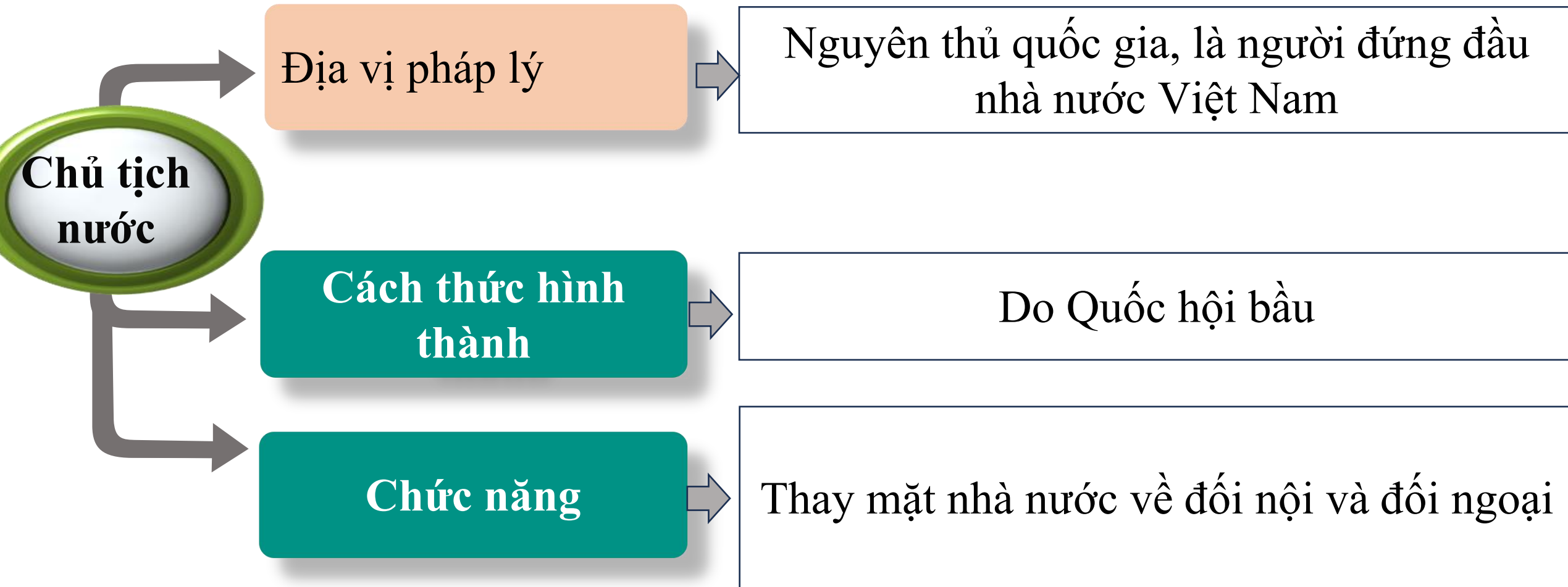


### ❖ Hệ thống Viện kiểm sát nhân dân.

#### - *Chức năng:*

- Thực hành quyền công tố.
- Kiểm sát các hoạt động tư pháp.

## 1.4.2. Bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam



### ❖ Nhóm các cơ quan hiến định độc lập

- Bao gồm Hội đồng bầu cử quốc gia và kiểm toán nhà nước:
- Đây là hai cơ quan mới xuất hiện trong cơ cấu tổ chức kể từ HP năm 2013.
- ***Cách thức thành lập:*** Quốc hội thành lập.

### ❖ Nhóm các cơ quan hiến định độc lập

- **Chức năng:** giám sát việc tổ chức thực hiện quyền lực nhà nước ở những góc độ khác nhau:

Hội đồng bầu cử quốc gia giám sát ở góc độ hình thành cơ quan đại diện:  
Nhiệm vụ tổ chức bầu cử đại biểu QH; chỉ đạo và hướng dẫn công tác bầu cử đại biểu HĐND các cấp

Kiểm toán nhà nước giám sát ở góc độ chi tiêu từ ngân sách nhà nước, thực hiện kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công

# NỘI DUNG SINH VIÊN TỰ HỌC

Kiểu nhà nước

Kiểu nhà nước chủ nô

Kiểu nhà nước phong kiến

Kiểu nhà nước tư sản

Kiểu nhà nước xã hội chủ nghĩa